TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** TỈNH B	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2024/HSST
Ngày: 23 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Hoan

2. Bà Nguyễn Thị Lan

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Quàng Văn Long - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 101/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số: 21 /2024/HSST- QĐ ngày 02/5/2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nông Thanh Đ**; Không có tên gọi khác;

Sinh ngày: 07/10/1985 tại tỉnh B;

Nơi cư trú trước khi bị bắt: Số nhà 160, tổ 3, phường H, thành phố Đ, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 11/12 phổ thông; Con ông: Nông Văn T và bà: Dư Thị N; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Bị cáo có 06 tiền án, cụ thể: Ngày 28/7/2009, bị Toà án nhân dân thành phố Đ xử phạt 24 tháng tù, về tội: Trộm cắp tài sản. Ngày 20/12/2010, chấp hành xong bản án. Ngày 09/3/2011, bị Toà án nhân dân thành phố Đ xử phạt 06 tháng tù giam, về tội: Trộm cắp tài sản. Ngày 13/8/2011, chấp hành xong bản án. Ngày 17/11/2011, bị Toà án nhân dân thành phố Đ áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g Khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt 16 tháng tù giam, về tội: Trộm cắp tài sản. Ngày 25/12/2012, chấp hành xong bản án. Ngày 12/7/2013, bị Toà án nhân dân

thành phố Đ áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt 03 năm tù giam, về tội: Trộm cắp tài sản. Ngày 12/3/2016, chấp hành xong bản án. Ngày 23/11/2017, bị Toà án nhân dân thành phố Đ áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm b, o, p khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt 30 tháng tù giam, về tội: Trộm cắp tài sản. Ngày 12/3/2016, chấp hành xong bản án. Ngày 16/3/2021, bị Toà án nhân dân thành phố Đ áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt 30 tháng tù, về tội: Trộm cắp tài sản. Ngày 01/6/2023, chấp hành xong bản án. Các bản án này bị cáo đều chưa được xoá án tích. Tiền sự: Không. Nhân thân: Năm 2003 bị Toà án nhân dân thành phố Đ xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, với thời gian thử thách 24 tháng về tội Cưỡng đoạt tài sản. Năm 2004 bị Toà án nhân dân thành phố Đ xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt chung của hai bản án là 18 tháng tù giam. Cả hai Bản án này đều được xoá án tích. Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 08/12/2023 cho đến ngày xét xử (Có mặt).

- *Bị hại:* Chị Quàng Thị H; Địa chỉ: Bản N, xã T, thành phố Đ, tỉnh B (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Lường Văn T1; Địa chỉ: Bản N, xã T, huyện B, tỉnh B (Vắng mặt không có lý do).

Bà Dư Thị N; Địa chỉ: Số nhà 160, tổ dân phố 03, phường H, thành phố Đ, tỉnh B (Có mặt).

Anh Lường Văn Quỳnh; Địa chỉ: Bản N, xã T, thành phố Đ, tỉnh B (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ ngày 06/12/2023, bị cáo Nông Thanh Đ nhìn thấy nhà của chị Quàng Thị H không có cổng, Đ điều khiển dựng xe máy có biển kiểm soát 27B2- 351.23 cạnh gian bếp để kiểm tra thì thấy không có ai ở nhà nên đã dùng thanh sắt luồn qua chấn song cạnh cửa bếp để cậy làm cho tai khóa gắn với cửa bung ra, rồi đi vào phòng khách, rút dây điện ti vi ra khỏi ổ cắm, cho chiếc tivi nhãn hiệu Samsung, mã QA55Q63CAK kèm chân đế vào trong hộp bìa carton. Đ dùng dây cao su ở trong cốp xe mô tô buộc tivi vào sau xe, đặt thanh sắt lên hộp rồi điều khiển xe máy đi qua bản Púng Tôm gần đến bản Co Củ, xã T, thành phố Đ tỉnh B Đ ném thanh sắt tại bụi cỏ ven đường rồi điều khiển xe đến nhà ông Lường Văn T1 ở bản N, xã T, huyện B, tỉnh B để gửi nhờ chiếc tivi vừa trộm cắp được. Khi đó Đ kiểm tra phát hiện chiếc tivi bị nứt vỡ ở phần giữa phía trên màn hình kéo xuống phía dưới màn hình. Sau đó Đ điều khiển xe máy về nhà. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày chị H về nhà phát hiện bị mất trộm chiếc tivi nên đã trình báo đến Công an xã T, thành phố Đ. Ngày 07/12/2023, Công an thành phố Đ đã triệu tập Nông Thanh Đ đến làm việc, Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Mục đích Đ chiếm đoạt chiếc tivi trên là để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Bản kết luận định giá số 59/KL ngày 07/12/2023, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Đ, tỉnh B kết luận: 01 chiếc ti vi nhãn hiệu SAMSUNG, mẫu sản phẩm QA55Q63CAK, loại 55 inh, màu đen, kèm theo chân đế tivi và hộp bìa carton đựng chiếc ti vi có giá: 10.800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp của gia đình chị Quàng Thị H là: 10.800.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKS-TPĐBP ngày 20/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Nông Thanh Đ về tội: Trộm cắp tài sản, theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173/BLHS.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội: Trộm cắp tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38/BLHS. Xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm c khoản 2 Điều 106/BLTTHS, tịch thu tiêu hủy 01 dây cao su màu đen, kích thước 0,5cm x 1cm. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho gia đình chị Quàng Thị H số tiền là: 10.800.000 đồng. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí có giá ngạch.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, chị H có ý kiến: Số tiền mua chiếc tivi là tài sản chung của hai vợ chồng chị, chị yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 10.800.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật. Bị cáo Đ đồng ý bồi thường số tiền trên cho gia đình bị hại.

Bị cáo Nông Thanh Đ không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại và những người liên quan khác cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản lấy lời khai, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự….Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 08 giờ ngày 06/12/2023 tại bản N, xã T, thành phố Đ, tỉnh B, Nông Thanh Đ đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản có giá trị 10.800.000 đồng của gia đình chị Quàng Thị H, mục đích để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân.

Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn xã T nói riêng, thành phố Đ nói chung, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Từ những phân tích trên khẳng định: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 173/BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Với tài sản mà bị cáo trộm cắp có giá trị là 10.800.000 đồng, thì lẽ ra bị cáo chỉ bị truy tố ở khoản 1 Điều 173/BLHS, có khung hình phạt từ 6 tháng đến 03 năm tù. Tuy N, bị cáo đã tái phạm chưa được xoá án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên bị cáo bị truy tố, xét xử theo quy định tại điểm g "Tái phạm nguy hiểm" của khoản 2 Điều 173/BLHS.

[2]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52/BLHS. Bị cáo là người có nhân thân xấu: Năm 2003 bị Toà án nhân dân thành phố Đ xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, với thời gian thử thách 24 tháng về tội Cưỡng đoạt tài sản. Năm 2004 bị Toà án nhân dân thành phố Đ xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt chung của hai bản án là 18 tháng tù giam. Cả hai bản án đều được xoá án tích. Ngoài ra từ năm 2009 đến năm 2021 bị cáo còn bị Tòa án xét xử 06 lần, đều về tội " Trộm cắp tài sản", các Bản án này bị cáo đều chưa được xóa án tích.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo là người đã từng bị chấp hành hình phạt tù bằng nhiều Bản án, nhưng khi trở về địa pH, không lấy đó làm bài học cho bản thân, lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bản thân bị cáo là người nghiện ma túy. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo là hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài, để bị cáo có thời gian cai nghiện và cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

Với giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp là 10.800.000 đồng, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo thấy rằng mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thành phố Đ, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T1 hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan T1 hành tố tụng, người T1 hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173/BLHS, thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy N theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập gì, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Vật chứng: 01 dây cao su màu đen, dài 4m, dạng hình hộp chữ nhật, là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

01 ổ khoá màu đen, vòng khoá màu trắng, thân khoá kích thước 2cm x 4cm, một mặt khoá in nổi chữ "VIỆT TIỆP"; 01 phiếu bảo hành của Điện máy PH Nam, họ tên người mua hàng là Lường Văn Quỳnh; 01 chiếc tivi nhãn hiệu Samsung, 55 inch, màu đen kèm chân đế và hộp carton, là tài sản bị cáo đã lấy trộm của gia đình chị Quàng Thi H, cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản này cho bị hại. Xét việc trao trả này là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27B2-351.23, bị cáo dùng làm pH tiện phạm tội, thuộc sở hữu của bà Dư Thị N (Mẹ đẻ bị cáo), khi bị cáo lấy xe đi làm pH tiện phạm tội, bà N không biết, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho bà N, bà N không có khiếu nại gì, xét việc trao trả này là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

01 thanh sắt bị cáo dùng để cậy cửa trộm cắp tài sản của gia đình chị H, sau khi lấy được tài sản, bị cáo đã vứt tại bụi cỏ ven đường, cơ quan điều tra đã thực hiện việc tìm kiếm, nhưng không thu hồi được, nên không đặt vấn đề xem xét.

[6]. Bồi thường dân sự: Trong quá trình vận chuyển chiếc ti vi, bị cáo đã làm hỏng, chị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 10.800.000 đồng, bị cáo nhất trí bồi thường số tiền này. Đây là tài sản chung của vợ chồng chị H và anh Quỳnh, nên buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Quỳnh và chị H số tiền 10.800.000 đồng.

[7]. Các vấn đề khác: Ông Lường Văn T1 đã cho bị cáo gửi chiếc ti vi sau khi bị cáo lấy trộm được, nhưng ông T1 không biết đây là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có, nên không đặt vấn đề xem xét đối với ông T1.

[8]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 540.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38/BLHS.

- Tuyên bố bị cáo Nông Thanh Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo Nông Thanh Đ 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (08/12/2023).

2. Vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106/BLTTHS, tịch thu tiêu hủy 01 dây cao su màu đen, dài 04m, màu đen, dạng hình hộp chữ nhật, vị trí rộng nhất của dây kích thước 0,5cm x 1cm, vị trí nhỏ nhất của dây kích thước 0,4 cm x 0,5 cm, dây cao su đã qua sử dụng (*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/4/2024 giữa Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh B).*

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48/BLHS, bị cáo Nông Thanh Đ phải trả cho chị Quàng Thị H và anh Lường Văn Quỳnh; Cùng địa chỉ: Bản N, xã T, thành phố Đ, tỉnh B số tiền 10.800.000 đồng (Mười triệu, tám trăm nghìn đồng).

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch là: 540.000 (Năm trăm bốn mươi nghìn) đồng.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333/BLTTHS, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/5/2024). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/5/2024). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người CQLNVLQ;
- VKSNDTPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Nhà tạm giữ CA TPĐBP;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Chi cục THA TPĐBP;
- TAND tỉnh B;
- HS THA Hình sự;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Thúy Thành